

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách đối tượng thực hiện tinh giản
biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023
của Chính phủ (đợt 2 năm 2025)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014; Luật Bảo hiểm
xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 395/TTr-SNV ngày
20 tháng 5 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 92 trường hợp (bao gồm viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã) thuộc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện tinh giản biên chế đợt 2 năm 2025, trong đó:

- Hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Điều 5 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP: 74 người;
- Hưởng chính sách thôi việc ngay quy định tại Điều 7 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP: 8 người;
- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hưởng trợ cấp quy định tại Điều 9 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP: 10 người.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin, tổng hợp, báo cáo nội dung về thực hiện chính sách tinh giản biên chế gửi Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

- Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí thực hiện tình giản biên chế cho các cơ quan, đơn vị có đối tượng tình giản biên chế, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kinh phí; đồng thời hướng dẫn đơn vị quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đúng quy định hiện hành.

- Các cơ quan, đơn vị căn cứ nội dung được phê duyệt tại Quyết định này, có trách nhiệm rà soát lại đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn để thực hiện các trình tự, thủ tục có liên quan theo đúng quy định của pháp luật về tình giản biên chế.

- Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội khu vực VI, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của cơ quan, đơn vị có đối tượng thực hiện chính sách tình giản biên chế theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc những nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Bảo hiểm xã hội khu vực VI; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT, KTTT_{hoangth}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục số 01

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ ĐỢT II NĂM 2025
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP NGÀY 03/6/2023 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày //2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tình giản biên chế					
		Tổng số	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Đối tượng tình giản biên chế là người hoạt động không chuyên trách
1	2	3	4	5	6	7	8
TỔNG		92	74	0	8		10
I	Khối sự nghiệp	82	74	0	8		
a	Cấp tỉnh	10	10	0	0		
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	5	5	0	0		
—	Trường THPT Đông Sơn 1	1	1				
—	Trường THPT Bim Sơn	2	2				
—	Trường THCS&THPT Như Xuân	1	1				
—	Trường THPT Lam Sơn	1	1				
2	Sở Y tế	3	3	0	0		
—	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	1	1				
—	Trung tâm y tế huyện Quảng Xương	1	1				

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế					
		Tổng số	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Đối tượng tinh giản biên chế là người hoạt động không chuyên trách
1	2	3	4	5	6	7	8
—	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	1	1				
3	Viện Nông nghiệp	1	1				
4	Trường Cao đẳng Công nghiệp	1	1				
b	Cấp huyện	72	64	0	8		
1	Thành phố Thanh Hóa	5	5				
2	Huyện Hoằng Hóa	2	1		1		
3	Huyện Hậu Lộc	6	3		3		
4	Huyện Triệu Sơn	1	1				
5	Huyện Hà Trung	2	2				
6	Huyện Thọ Xuân	6	6				
7	Thị xã Nghi Sơn	2	2				
8	Huyện Vĩnh Lộc	1	1				
9	Huyện Yên Định	3	3				
10	Huyện Nga Sơn	3	3				
11	Huyện Thiệu Hóa	1	1				
12	Huyện Thạch Thành	3	2		1		

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế					
		Tổng số	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Đối tượng tinh giản biên chế là người hoạt động không chuyên trách
1	2	3	4	5	6	7	8
13	Huyện Quan Hóa	1	1				
14	Huyện Ngọc Lặc	3	3				
15	Huyện Như Xuân	8	8				
16	Huyện Như Thanh	9	8		1		
17	Huyện Bá Thước	8	6		2		
18	Huyện Cẩm Thủy	2	2				
19	Huyện Thường Xuân	1	1				
20	Huyện Nông Cống	1	1				
21	Thị xã Bỉm Sơn	1	1				
22	Huyện Quan Sơn	1	1				
23	Huyện Lang Chánh	2	2				
II	Khối hành chính cấp xã	10					10
1	Huyện Nga Sơn	10					10

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ ĐỘT II NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Số năm đóng BHXH bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Lý do tinh giản
					Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	
					Năm	Tháng		Tuổi	Tháng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
16	Nguyễn Thị Bình	01/1978	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Hoàng Phong	27			47	7	01/9/2025			x	Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
17	Bùi Thị Tuyết	5/1970	Cao đẳng	Giáo viên trường THCS Hoàng Thanh	33	11		55	3	01/9/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
b3	Huyện Hậu Lộc													
18	Đồng Văn Chương	7/1968	Trung cấp	Giáo viên trường Tiểu học Đa Lộc	37			57	1	01/9/2025	x			Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
19	Nguyễn Thị Anh	11/1970	Cao đẳng	Giáo viên trường Tiểu học Hải Lộc	36	1		54	10	01/10/2025	x			Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
20	Trịnh Thị Hương	7/1972	Cao đẳng	Giáo viên trường Tiểu học Thuần Lộc	33	3		53	4	01/12/2025	x			Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
21	Nguyễn Thị Quế	8/1977	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Đại Lộc	25	3		47	10	01/7/2025			x	Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
22	Đỗ Thị Ngọc	10/1982	Đại học	Giáo viên trường THCS Thuần Lộc	20			42	10	01/9/2025			x	Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Số năm đóng BHXH bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Lý do tinh giản
					Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	
					Năm	Tháng		Tuổi	Tháng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
23	Hoàng Ngọc Thu	8/1987	Đại học	Viên chức trường Tiểu học Thuần Lộc	16	10		37	10	01/7/2025			x	Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
b4	Huyện Triệu Sơn													
24	Nguyễn Thị Tâm	7/1970	Đại học	Kế toán trưởng Tiểu học&THCS Xuân Thịnh	37	9		54	11	01/7/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
b5	Huyện Hà Trung													
25	Lê Văn Bá	10/1968	Đại học	Giáo viên trường THCS Hà Lai	34	7		57		01/11/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
26	Đỗ Thị Mai	6/1972	Đại học	Giáo viên trường THCS Hà Bắc	32	2		53	4	01/11/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
b6	Huyện Thọ Xuân													
27	Đỗ Văn Mạnh	02/1968	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Xuân Minh	36	3		57	9	01/12/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức không HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
28	Trịnh Thị Nhân	7/1970	Trung cấp	Giáo viên trường Tiểu học Xuân Thiên	36			55	1	01/9/2025	x			Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ

[illegible]

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Số năm đóng BHXH bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Lý do tinh giản
					Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	
					Năm	Tháng		Tuổi	Tháng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
35	Phạm Thị Huyền	12/1971	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Vĩnh Hùng	33			53	8	01/9/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức không HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
b9	Huyện Yên Định													
36	Cao Thị Hằng	5/1972	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Định Tiến	33	1		53	4	01/10/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
37	Nguyễn Đình Cường	10/1966	Cao đẳng	Giáo viên trường THCS Yên Phú	30	2		59		01/11/2025	x			Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
38	Lê Văn Hiếu	5/1967	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Yên Lạc	36			58	3	01/9/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
b10	Huyện Nga Sơn													
39	Đàm Thị Mừng	7/1972	Cao đẳng	Giáo viên trường Tiểu học Nga Thắng	36	3		53	4	01/12/2025	x			Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
40	Trịnh Thị Sáu	6/1970	Đại học	Giáo viên trường THCS Nga Thanh	32	10		55		01/7/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

[illegible]

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Số năm đóng BHXH bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Lý do tinh giản
					Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	
					Năm	Tháng		Tuổi	Tháng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
47	Bùi Thị Tuất	9/1970	Trung cấp	Giáo viên trường Tiểu học Lam Sơn	33	1		55		01/10/2025	x			Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
48	Triệu Hoàng Trung	12/1967	Trung cấp	Nhân viên hành chính trường Tiểu học Vân Am	35	1		57	9	01/10/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
49	Hà Văn Dũng	9/1968	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học & THCS Lộc Thịnh	24	9		57		01/10/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
b15	Huyện Như Xuân													
50	Lê Nhân Chung	6/1968	Cao đẳng	Giáo viên trường Tiểu học&THCS Cát Văn	36	5		57	1	01/8/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
51	Lê Thị Việt	6/1972	Cao đẳng	Giáo viên trường Tiểu học Hoá Quý	34	3		53	5	01/12/2025	x			Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
52	Phạm Thị Liễu	6/1970	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Xuân Bình	33	10		55		01/7/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
53	Lê Thị Đào	3/1972	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Bãi Trành	33			53	5	01/9/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Số năm đóng BHXH bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Lý do tinh giản
					Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	
					Năm	Tháng		Tuổi	Tháng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
54	Nguyễn Thị Thảo	9/1971	Đại học	Giáo viên trường Tiểu học Bãi Trành	33			53	11	01/9/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
55	Nguyễn Xuân Nguyễn	12/1966	Trung cấp	Giáo viên trường Tiểu học Bãi Trành	36	6		58	8	01/9/2025	x			Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
56	Nguyễn Thị Hải	4/1969	Đại học	Giáo viên trường mầm non Yên Lễ	33	11		56	2	01/7/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
57	Phạm Thị Hồng Xuân	5/1972	Đại học	Giáo viên trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên huyện	32			53	4	01/10/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
b16	Huyện Như Thanh													
58	Phạm Văn Tạo	9/1968	Đại học	Giáo viên Trường Tiểu học Mậu Lâm 1, huyện Như Thanh	29	1		57		01/10/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
59	Nguyễn Thị Xuyên	7/1972	Cao đẳng	Giáo viên Trường Tiểu học Xuân Khang 1, huyện Như Thanh	34	3		53	4	01/12/2025	x			Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ
60	Hồ Thị Bằng	5/1972	Đại học	Giáo viên Trường Tiểu học Xuân Khang 2	34	3		53	6	01/12/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức không HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Số năm đóng BHXH bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Lý do tinh giản
					Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	
					Năm	Tháng		Tuổi	Tháng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
61	Đỗ Thị Duyên	10/1971	Đại học	Giáo viên Trường Tiểu học Hải Long	34			53	10	01/9/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
62	Đinh Thị Thuật	01/1972	Đại học	Giáo viên Trường Tiểu học Hải Long	33			53	7	01/9/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
63	Lê Thị Ngân	4/1970	Đại học	Hiệu trưởng Trường Tiểu học Xuân Phúc	33	11		55	3	01/8/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
64	Hoàng Thị Quyền	7/1972	Đại học	Giáo viên Trường Tiểu học Xuân Phúc	33	3		53	4	01/12/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
65	Hà Thị Tân	5/1971	Đại học	Giáo viên Trường THCS Thanh Kỳ	31	3		54	4	01/10/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
66	Trương Thị Hát	6/1975	Đại học	Giáo viên Trường Phổ thông DTNT THCS Như Thanh	26			50		01/7/2025			x	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
b17	Huyện Bá Thước													
67	Vĩ Văn Tấn	5/1970	Cao đẳng	Giáo viên Trường THCS Lũng Cao	31			55	3	01/9/2025			x	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ

[illegible]

[illegible]

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Số năm đóng BHXH bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế		Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Lý do tinh giản
					Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	
					Năm	Tháng		Tuổi	Tháng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
81	Lê Thị Kim Cúc	3/1972	Đại học	Giáo viên Trường Tiểu học Yên Khương	32			53	5	01/9/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
82	Lò Văn Cường	10/1968	Cao đẳng	Giáo viên Trường Tiểu học &THCS Giao An	36	3		57	1	01/12/2025	x			Viên chức trong năm trước liền kề xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức HTNV, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

(Danh sách này có 82 người)

Phụ lục số 03

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN TÌNH GIẢN CHẾ ĐỘT II NĂM 2025
(ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ NĂM 2025)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Phụ cấp hiện hưởng (Hệ số so với lương cơ sở)		Tuổi khi nghỉ thôi giữ chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã		Thời điểm nghỉ khi kết thúc lộ trình sắp xếp hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ	Thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số tháng nghỉ sớm theo kết thúc lộ trình sắp xếp hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ	Lý do tình giảm
				Hệ số	Thời điểm hưởng	Năm	Tháng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	KHÔI HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		5								
1	Huyện Nga Sơn (10 người)										
1	Nguyễn Văn Năm	07/1988	Phó Chỉ huy Quân sự kiêm Chủ tịch Hội Cựu TNXP xã Nga Trung	1,2	01/11/2023	36	5	12/2030	01/01/2025	60	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp lại ĐVHC cấp xã theo Nghị quyết số 1238/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban TV Quốc hội (xã Nga Trung và Nga Bạch sáp nhập thành xã Nga Hiệp) tại

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Phụ cấp hiện hưởng (Hệ số so với lương cơ sở)		Tuổi khi nghỉ thôi giữ chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã		Thời điểm nghỉ khi kết thúc lộ trình sắp xếp hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ	Thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số tháng nghỉ sớm theo kết thúc lộ trình sắp xếp hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ	Lý do tinh giản
				Hệ số	Thời điểm hưởng	Năm	Tháng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
											điểm b, khoản 2, Điều 9 NB 29/2023/NB-CP
2	Nguyễn Văn Phương	10/1967	PCT Hội CCB kiêm CT Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin xã Nga Trung	0,9	22/3/2022	57	11	3/2027	01/01/2025	26	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp lại ĐVHC cấp xã theo Nghị quyết số 1238/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban TV Quốc hội (xã Nga Trung và Nga Bạch sáp nhập thành xã Nga Hiệp) tại điểm a, khoản 2, Điều 9 NB 29/2023/NB-CP
3	Phạm Văn Dương	10/1979	PCT Hội Nông dân kiêm Chủ tịch Hội Làm vườn và trang trại xã Nga Trung	0,9	24/3/2023	45	3	3/2028	01/01/2025	38	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp lại ĐVHC cấp xã theo Nghị quyết số 1238/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban TV Quốc hội (xã Nga Trung và Nga Bạch sáp nhập thành xã Nga Hiệp) tại

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Phụ cấp hiện hưởng (Hệ số so với lương cơ sở)		Tuổi khi nghỉ thôi giữ chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã		Thời điểm nghỉ khi kết thúc lộ trình sắp xếp hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ	Thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số tháng nghỉ sớm theo kết thúc lộ trình sắp xếp hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ	Lý do tinh giản
				Hệ số	Thời điểm hưởng	Năm	Tháng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
											điểm a, khoản 2, Điều 9 NB 29/2023/NB-CP
4	Ninh Văn Chung	09/1976	PCT MTTQ kiêm Chủ tịch Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi xã Nga Trung	0,9	26/01/2024	48	3	01/2029	01/01/2025	48	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp lại ĐVHC cấp xã theo Nghị quyết số 1238/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban TV Quốc hội (xã Nga Trung và Nga Bạch sáp nhập thành xã Nga Hiệp) tại điểm a, khoản 2, Điều 9 NB 29/2023/NB-CP
5	Phạm Ngọc Tường	05/1952	Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã Nga Trung	0,8	14/4/2021	72	8	3/2026	01/01/2025	15	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp lại ĐVHC cấp xã theo Nghị quyết số 1238/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban TV Quốc hội (xã Nga Trung và Nga Bạch sáp nhập thành xã Nga Hiệp) tại

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Phụ cấp hiện hưởng (Hệ số so với lương cơ sở)		Tuổi khi nghỉ thôi giữ chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã		Thời điểm nghỉ khi kết thúc lộ trình sắp xếp hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ	Thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số tháng nghỉ sớm theo kết thúc lộ trình sắp xếp hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ	Lý do tính giảm
				Hệ số	Thời điểm hưởng	Năm	Tháng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
											điểm a, khoản 2, Điều 9 ND 29/2023/NĐ-CP
6	Nguyễn Khánh Toàn	11/2001	Phó Chỉ huy Quân sự kiêm Văn hóa - thông tin - truyền thông xã Nga Bạch	1,2	01/3/2022	23	1	12/20230	01/01/2025	60	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp lại ĐVHC cấp xã theo Nghị quyết số 1238/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban TV Quốc hội (xã Nga Trung và Nga Bạch sáp nhập thành xã Nga Hiệp) tại điểm b, khoản 2, Điều 9 ND 29/2023/NĐ-CP
7	Ngô Quốc Lâm	02/1966	PCT Hội CCB kiêm Chủ tịch Hội Cựu TNXP xã Nga Bạch	0,9	10/3/2022	58	11	02/2027	01/01/2025	26	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp lại ĐVHC cấp xã theo Nghị quyết số 1238/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban TV Quốc hội (xã Nga Trung và Nga Bạch sáp nhập thành xã Nga Hiệp) tại

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Phụ cấp hiện hưởng (Hệ số so với lương cơ sở)		Tuổi khi nghỉ thôi giữ chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã		Thời điểm nghỉ khi kết thúc lộ trình sắp xếp hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ	Thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số tháng nghỉ sớm theo kết thúc lộ trình sắp xếp hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ	Lý do tinh giản
				Hệ số	Thời điểm hưởng	Năm	Tháng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
											điểm a, khoản 2, Điều 9 NĐ 29/2023/NĐ-CP
8	Lê Thị Nga	09/1984	PCT MTTQ xã Nga Bạch	0,9	12/3/2024	40	3	02/2029	01/01/2025	50	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp lại ĐVHC cấp xã theo Nghị quyết số 1238/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban TV Quốc hội (xã Nga Trung và Nga Bạch sáp nhập thành xã Nga Hiệp) tại điểm a, khoản 2, Điều 9 NĐ 29/2023/NĐ-CP
9	Nguyễn Thanh Hà	10/1947	Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã Nga Bạch	0,8	14/4/2021	77	3	3/2026	01/01/2025	15	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp lại ĐVHC cấp xã theo Nghị quyết số 1238/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban TV Quốc hội (xã Nga Trung và Nga Bạch sáp nhập thành xã Nga Hiệp) tại

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Phụ cấp hiện hưởng (Hệ số so với lương cơ sở)		Tuổi khi nghỉ thôi giữ chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã		Thời điểm nghỉ khi kết thúc lộ trình sắp xếp hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ	Thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số tháng nghỉ sớm theo kết thúc lộ trình sắp xếp hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ	Lý do tính giảm
				Hệ số	Thời điểm hưởng	Năm	Tháng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
											điểm a, khoản 2, Điều 9 NĐ 29/2023/NĐ-CP
10	Nguyễn Văn Nghiêm	03/1980	Nhân viên thú y kiêm Chủ tịch Hội Làm vườn và trang trại xã Nga Bạch	1.0	06/02/2000	44	10	12/2030	01/01/2025	60	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dời dư do sắp xếp lại ĐVHC cấp xã theo Nghị quyết số 1238/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban TV Quốc hội (xã Nga Trung và Nga Bạch sáp nhập thành xã Nga Hiệp) tại điểm b, khoản 2, Điều 9 NĐ 29/2023/NĐ-CP

Danh sách này có 10 người./.